

Bàn về phân tích tăng trưởng bền vững của ngân hàng thương mại

Phạm Thị Quyên*

TÓM TẮT

Tăng trưởng bền vững là sự tăng trưởng từ nội lực thông qua tái đầu tư lợi nhuận làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Để đạt được mục tiêu tối đa hóa khả năng tăng trưởng bền vững đòi hỏi các ngân hàng thương mại cần tiến hành phân tích sự tác động của các nhân tố đến tăng trưởng bền vững để có các quyết định quản trị phù hợp trong từng điều kiện cụ thể.

• Từ khóa: tăng trưởng, tăng trưởng bền vững, phân tích, ngân hàng thương mại.

ABSTRACT

Sustainable growth is the internal growth by reinvesting profits to increase business capital. Achieving the goal of maximizing sustainable growth requires commercial banks to analyse the impact of the factors on sustainable growth to make appropriate management decisions under certain conditions.

• Keywords: growth, sustainable growth, analysis, commercial banks.

Khi nghiên cứu tình hình tăng trưởng của ngân hàng thương mại (NHTM), các nhà quản trị thường đề cập đến tình hình tăng trưởng về tài sản, vốn chủ sở hữu, nguồn vốn huy động, cho vay khách hàng, lợi nhuận và sinh lời của vốn. Việc cân nhắc, lựa chọn nguồn lực tài chính để tạo khả năng tăng trưởng là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với NHTM. Các NHTM có thể thực hiện tăng trưởng bằng nội lực hay ngoại lực. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trao đổi về tăng trưởng bằng nội lực hay còn gọi là tăng trưởng bền vững.

Tăng trưởng bền vững là sự tăng trưởng từ nội lực thông qua tái đầu tư lợi nhuận làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Tối đa hóa khả năng

tăng trưởng bền vững là điều kiện quan trọng để đáp ứng yêu cầu về an toàn trong kinh doanh. Tăng trưởng bền vững của một NHTM chịu sự tác động của các chính sách quản trị tài chính cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM. Để đạt được mục tiêu tối đa hóa khả năng tăng trưởng bền vững đòi hỏi các NHTM cần tiến hành phân tích sự tác động của các nhân tố đến tăng trưởng bền vững để có các quyết định quản trị phù hợp trong từng điều kiện cụ thể.

Khả năng tăng trưởng bền vững được thể hiện ở chỉ tiêu hệ số tăng trưởng bền vững. NHTM có hệ số tăng trưởng bền vững cao thì khả năng tăng trưởng bền vững cao và ngược lại.

$$\text{Hệ số tăng trưởng bền vững (Hbv)} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Vận dụng mô hình phân tích Dupont, cho thấy mối quan hệ của các hệ số tài chính cơ bản tác động đến hệ số tăng trưởng bền vững của NHTM như sau:

$$\text{Hbv} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

$$\text{Hbv} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Thu nhập}} \times \frac{\text{Tổng thu nhập}}{\text{Tài sản có}} \times \frac{\text{Tài sản có}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

$$\text{Hbv} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng thu nhập}} \times \frac{\text{Tổng thu nhập}}{\text{Tài sản có}} \times \frac{1}{1 - \text{Hệ số nợ}}$$

(4)

(3)

(2)

(1)

* TS - Học viện Tài chính

Từ phương trình trên, cho thấy hệ số tăng trưởng bền vững chịu sự tác động của 4 hệ số tài chính:

Thứ nhất, là hệ số nợ trên tài sản thể hiện mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của NHTM. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính có tác động rất lớn đến khả năng tăng trưởng bền vững của NHTM. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy tài chính có thể tác động tích cực và cũng có thể tác động tiêu cực đến khả năng tăng trưởng bền vững của NHTM. Nếu hệ số sinh lời cơ bản của vốn kinh doanh thấp hơn lãi suất trả lãi của các khoản nợ thì việc sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ có tác động tiêu cực đến khả năng tăng trưởng bền vững của NHTM. Để thấy rõ hơn sự tác động của đòn bẩy tài chính đến hệ số tăng trưởng bền vững, ta xem xét dựa vào phương trình xác định hệ số tăng trưởng bền vững như sau:

$$H_{bv} = \frac{LN_{gl}}{VC} = \frac{LN_{gl}}{LNST} \times \frac{LNST}{VC}$$

$$H_{bv} = H_{gl} \times \frac{[(EBIT - LV) \times (1 - t)]}{VC}$$

$$H_{bv} = H_{gl} \times \frac{[BEP \times (VC + N) - N \times 1] \times (1 - t)}{VC}$$

$$H_{bv} = H_{gl} \times \left[BEP + \frac{N}{VC} \times (BEP - 1) \right] \times (1 - t)$$

Trong đó: LN_{gl} là lợi nhuận giữ lại; $LNST$ là lợi nhuận sau thuế; H_{gl} là hệ số giữ lại lợi nhuận; VC là vốn chủ sở hữu bình quân; N là nợ phải trả bình quân; $EBIT$ là lợi nhuận trước thuế và lãi vay; LV là lãi vay

phải trả; I là lãi suất huy động bình quân; t là thuế suất thuế thu nhập NHTM; TS là tổng giá trị tài sản có bình quân và BEP là hệ số sinh lời kinh tế của vốn kinh doanh:

$$(BEP = \frac{EBIT}{TS}); \frac{N}{VC}$$

gọi là hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu bình quân.

Khi hệ số nợ trên tài sản có càng cao thì hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng càng cao và ngược lại. Do vậy, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cao chính là NHTM đang sử dụng đòn bẩy tài chính cao và ngược lại.

Qua công thức trên cho thấy chính sách sử dụng đòn bẩy tài chính tác động đến hệ số tăng trưởng bền vững có thể xảy ra các trường hợp sau:

Trường hợp thứ nhất: $BEP > 1$, khi đó nếu NHTM có đòn bẩy tài chính càng lớn thì tác động của đòn bẩy tài chính làm tăng hệ số tăng trưởng bền vững càng nhanh và ngược lại. **Trường hợp thứ hai:** $BEP < 1$, khi đó nếu NHTM có đòn bẩy tài chính càng lớn thì tác động của đòn bẩy tài chính làm giảm hệ số tăng trưởng bền vững càng nhanh, rủi ro tài chính càng cao và ngược lại. **Trường hợp thứ ba:** $BEP = 1$, khi đó NHTM có đòn bẩy tài chính lớn hay nhỏ hoặc không có đòn bẩy tài chính đều không làm ảnh hưởng đến hệ số tăng trưởng bền vững.

Thứ hai, là số vòng quay của tài sản có thể hiện hiệu suất sử dụng tài sản có của NHTM, phản ánh trình độ đầu tư, sử dụng vốn của NHTM.

Thứ ba, là hệ số sinh lời hoạt động thể hiện tình hình quản trị chi phí trong quá trình hoạt động. Hệ số sinh lời hoạt động phản ánh hiệu quả quản trị hoạt động kinh doanh và các hoạt động đầu tư vốn của NHTM trong mỗi thời kỳ thông qua mối quan hệ của chi phí và lợi nhuận tạo ra trong kỳ. Nếu hoạt động không sinh lời thì chắc chắn NHTM không thể tăng trưởng bền vững mà ngược lại sẽ rơi vào tình trạng suy thoái.

Thứ tư, là hệ số lợi nhuận giữ lại thể hiện chính sách phân phối lợi nhuận của NHTM. Chính sách phân phối lợi nhuận phù hợp tạo khả năng tăng trưởng bền vững cao.

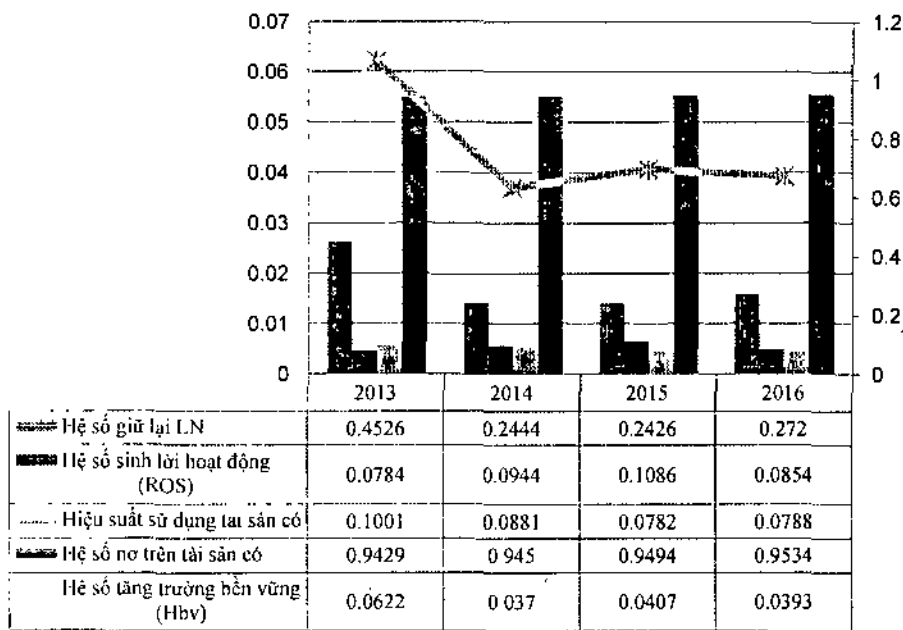
Giữa các hệ số tài chính cũng có tác động tương tác lẫn nhau, chẳng hạn hệ số giữ lại lợi nhuận tăng thì sẽ tác động đến hệ số nợ trên tài sản.

Như vậy, để đạt được mục tiêu tối đa khả năng tăng trưởng bền vững đòi hỏi NHTM cần có các quyết định liên quan đến: chính sách sử dụng đòn bẩy tài chính, chính sách đầu tư sử dụng vốn huy động, chính sách quản trị chi phí và chính sách phân phối lợi nhuận.

Ví dụ: Phân tích tăng trưởng bền vững của NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) giai đoạn 2012-2016 (Hình 1).

Trong giai đoạn 2013-2016, BIDV luôn tăng trưởng bền vững dương nhưng hệ số tăng trưởng bền vững có sự thay đổi

Hình 1: Tăng trưởng bền vững của BIDV (2013-2016)



Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của BIDV

qua các năm. Vận dụng phương pháp loại trừ có thể lượng hóa sự thay đổi của các hệ số tài chính tác động đến hệ số tăng trưởng ở Bảng 1.

2013, BIDV có hệ số giữ lại lợi nhuận cao nhất trong 4 năm đã tạo khả năng tăng trưởng bền vững cao nhất. Năm 2014, mặc dù hệ số sinh lời hoạt động tăng so với

Bảng 1: Ảnh hưởng của các hệ số tài chính tác động đến tình hình tăng trưởng bền vững của BIDV

Mức độ ảnh hưởng	2014 so với 2013	2015 so với 2014	2016 so với 2015
Hbv tăng (giảm)	-0,0252	0,0038	-0,0015
Do hệ số nợ trên tài sản cố	0,0024	0,0032	0,0035
Do hiệu suất sử dụng tài sản cố	-0,0077	-0,0045	0,0003
Do hệ số sinh lời hoạt động	0,0116	0,0054	-0,0095
Do hệ số giữ lại lợi nhuận	-0,0315	-0,0003	0,0042
Tổng hợp	-0,0252	0,0038	-0,0015

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của BIDV

Trong giai đoạn 2013-2016, BIDV luôn duy trì hệ số nợ trên tài sản ở mức cao (lớn hơn 0,94). Năm 2013 là năm đầu tiên sau cổ phần hóa, BIDV đã đạt khả năng tăng trưởng bền vững khá cao là 0,0622 tức là 6,22%. Năm

năm 2013, nhưng hiệu suất sử dụng tài sản cố và hệ số giữ lại lợi nhuận giảm mạnh nên hệ số sinh lời năm 2014 đã giảm so với năm 2013. Năm 2015, hệ số nợ trên tài sản cố và hệ số sinh lời hoạt động tăng đã làm tăng

hệ số tăng trưởng bền vững so với năm 2014. Nếu năm 2015 vẫn duy trì hiệu suất sử dụng tài sản cố như năm 2014 thì hệ số sinh tăng trưởng bền vững sẽ đạt mức lớn hơn. Năm 2016, cho dù hệ số nợ trên tài sản tăng, hiệu suất sử dụng tài sản cố tăng và hệ số giữ lại lợi nhuận cũng tăng nhưng do hệ số sinh lời hoạt động giảm mạnh nên đã làm cho hệ số tăng trưởng bền vững năm 2016 giảm so với năm 2015.

Thực tế, cho thấy hệ số sinh lời hoạt động năm 2016 giảm chủ yếu là do trong năm 2016 BIDV đã tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng. Từ những phân tích trên, cho thấy nhà quản trị cần tăng cường quản trị rủi ro tín dụng là vấn đề có tính cấp thiết vừa đáp ứng các quy định về an toàn trong kinh doanh, vừa có thể giảm chi phí rủi ro tín dụng nhằm tạo nền tảng để gia tăng khả năng tăng trưởng bền vững./.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà (2015), Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.

www.bidv.com.vn